

## **ĐA DẠNG CÁC LOÀI CHIM Ở KHU VỰC BÀ NÀ (HUYỆN HOÀ VANG, ĐÀ NẴNG)**

Lê Vũ Khôi

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

Lê Đình Thuỷ

Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Trung tâm KHTN&CNQG

Đỗ Tước

Viện Điều tra Quy hoạch Rừng, Bộ NN&PTNT

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Khu vực Bà Nà bao gồm Khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà và khu rừng xã Hoà Bắc huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng, là một hệ sinh thái đặc trưng bởi vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên (Lê Vũ Khôi, 2000; Lê Vũ Khôi và CS, 2002). Khu Bà Nà là khu rừng tự nhiên trên núi cao, địa hình phức tạp, bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông suối chằng chịt, khe núi hẹp. Khí hậu khu vực mang tính chất khí hậu nhiệt đới gió mùa. Do có nhiều núi cao và đặc tính khí hậu ... đã tạo cho khu Bà Nà có hệ thực vật, hệ động vật phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, nghiên cứu đa dạng sinh học ở hệ sinh thái đặc biệt này còn ít (Ghazool J., Lê Mộng Chân, 1994, Đoàn Frontier, 1996; Lê Vũ Khôi, 2000...).

Chim là nhóm động vật có vai trò rất quan trọng trong quần xã. Nghiên cứu đa dạng về thành phần loài chim sẽ góp phần xác định giá trị tài nguyên động vật hoang dã của hệ sinh thái, đồng thời góp phần xây dựng chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học ở khu vực Bà Nà.

### **ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **Địa điểm, thời gian nghiên cứu**

Khảo sát trên các tuyến đường của 4 khu vực: 1) Từ Suối Mơ lên thượng nguồn sông Thúy Loan, vào tháng 3 - 4/1999 và tháng 8/ 2001; 2) Trung tâm nghỉ mát Bà Nà và dọc sườn núi xuống cầu An Lộc sông Thúy Loan vào tháng 8/2001; 3) Khu vực sông Bắc và sông Nam xã Hoà Bắc vào các tháng 2 - 3/ 2001 và tháng 7-8/2002; 4) Khu vực phía nam Bà Nà và thượng nguồn sông Lô Đông thuộc xã Hoà Phú vào tháng 8/2001. 5) Khu đồng ruộng của các xã Hoà Ninh, Hoà Sơn, hạ lưu sông Cu đê thuộc xã Hoà Liên.

#### **Phương pháp nghiên cứu**

- Quan sát chim bằng mắt và ống nhòm. Sách được dùng định loại chim với các hình màu của Ben King, Boonsong Lekagul và Philip D. Round. Đối với những loài chim có kích thước nhỏ di chuyển nhanh, có tập tính kiếm ăn trong các tán cây phải quan sát kỹ và kiểm tra nhiều lần.

- Danh sách thành phần loài chim được xây dựng bằng sự quan sát trực tiếp trên thực địa, nghe tiếng hót, qua các di vật còn lưu lại trong nhà dân và qua việc hỏi cán bộ kiểm lâm và những người đi rừng có ảnh màu để đối chiếu...

- Tham khảo và kế thừa có chọn lọc các tài liệu đã và chưa công bố để cập tới thành phần loài chim ở Bà Nà.

### **KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

#### **Tình đa dạng về cấu trúc thành phần loài**

Từ các kết quả điều tra đã thống kê được ở khu vực Bà Nà có 214 loài chim thuộc 49 họ và 15 bộ (bảng 1). Trong số 15 bộ thì bộ Sẻ (Passeriformes) là bộ có nhiều họ nhất, 26 họ chiếm 53,06% tổng số họ chim và cũng là bộ có nhiều loài nhất, 111 loài chiếm 51,63% tổng số loài hiện có ở khu vực. Tiếp sau là bộ Sẻ (Caraciiformes), 5 họ (10,20%) với 18 loài (8,37%), bộ Cắt (Falconiiformes) 3 họ, 10 loài. Trong số 48 họ chim ở Bà Nà có hai họ (4,17%) có từ 10 đến 15 loài. Họ Khướu (Timaliidae) là họ đa dạng về loài nhất, 15 loài (6,98%); kế sau là họ Cu cu (Cuculidae) có 10 loài (0,47%). 13 họ (27,08%) có từ 5 đến 9 loài. Trong đó đặc biệt họ Trĩ (Phasianidae) và họ Bồ câu (Columbidae) có 9 loài. 33 họ (68,75%) có từ 1 đến 4 loài. Như vậy, hệ số đa dạng họ chim ở Bà Nà xấp xỉ 4 (3,75), nghĩa là mỗi họ trung bình có gần 4 loài. 20 loài (chiếm 9,3% tổng số loài của khu vực) có đời sống liên quan đến môi trường nước, nguồn thức ăn là những loài sinh vật sống dưới nước. Vì thế chỉ gặp chúng ở khu đồng ruộng ở vùng đê và ở ven bờ hạ lưu sông Cu Đê. Dọc theo thượng nguồn các sông suối, gặp vài loài chim có đời sống gắn liền với thuy vực sông suối miền núi như bồng chanh rừng (*Alcedo hercules*).

**So sánh mức độ đa dạng về thành phần loài chim ở khu vực Bà Nà với một số khu bảo vệ khác (bảng 2)**

So với thành phần loài chim của Việt Nam (828 loài theo Võ Quý, Nguyễn Cử, 1995) thì số loài chim ở khu vực Bà Nà chiếm 25,97% tổng số loài chim của cả nước, số họ chiếm 60,49%, số bộ chiếm 79,95%.

So với Vườn Quốc gia Bạch Mã thì số loài chim ở khu vực Bà Nà chiếm 65,15% số loài, 92,45% số họ và 93,75% số bộ.

So với Nam Cát Tiên số loài chim ở khu vực Bà Nà nhiều hơn, chiếm 111,4% số loài, số họ cũng nhiều hơn 106,52% nhưng số bộ ít hơn chút ít, chiếm 93,75%. Như vậy cấu trúc thành phần loài chim gặp ở khu vực Bà Nà là khá phong phú, đa dạng.

**Giá trị nguồn gen của chim**

Trong 214 loài chim đã thống kê ở khu vực Bà Nà có 12 loài quý hiếm có tên trong Danh lục đỏ Việt Nam (2002), và 25 loài cấm săn bắt, khai thác, buôn bán theo Nghị định 48/2002/ NĐ-CP, ngày 22 tháng 4 năm 2002 (bảng 3). Trong đó 8 loài ở mức sẽ nguy cấp (VU), 4 loài ở mức ít nguy cấp (LR) và 4 loài thuộc nhóm IB và 21 loài thuộc nhóm IIB .

**Bảng 1. Cấu trúc thành phần loài khu hệ chim ở khu Bà Nà (Hoà Vang, Đà Nẵng)**

TT	Tên bộ	Tên họ	Số loài trong họ	Số loài trong bộ
01	Bộ Học - Cinoniiformes	1. Họ Diệc - Ardeidae	9	9
02	Bộ Cắt - Falconiformes	2. Họ Ưng - Accipitridae	6	
		3. Họ ó cá - Pandionidae	1	10
		4. Họ Cắt - Falconidae	3	
03	Bộ Gà - Galliformes	5. Họ Trĩ - Phasianidae	9	9
04	Bộ Sếu - Gruiformes	6. Họ Cùn cút - Tunicidae	1	
		7. Họ Gà nước - Rallidae	5	6
05	Bộ Rẽ - Charadriiformes	8. Họ Choi choi - Charadriidae	3	
		9. Họ Rẽ - Scolopacidae	2	5
06	Bộ Bồ câu - Columbiformes	10. Họ Bồ câu - Columbidae	9	9
07	Bộ vẹt - psittaciformes	11. Họ Vẹt - Psittacidae	4	4
08	Bộ Cu cu - Cuculiformes	12. Họ Cu cu - Cuculidae	10	10
09	Bộ Cú - Strigiformes	13. Họ Cú mèo - Strigidae	7	7
10	Bộ Cú muỗi-Caprimulgiformes	14. Họ Cú muỗi - Caprimulgidae	1	1
11	Bộ Yến - Apodiformes	15. Họ Yến - Apodidae	3	3
12	Bộ Nước - Trogoniformes	16. Họ Nước - Trogoniformes	1	1
13	Bộ Sả - Coraciiformes	17. Họ Bói cá - Alcedinidae	5	
		18. Họ Trầu - Meropidae	5	
		19. Họ Sả rừng - Coraciidae	2	18
		20. Họ Đầu riu - Upupidae	1	
		21. Họ Hồng hoàng - Bucerotidae	5	
14	Bộ Gõ kiến - Piciformes	22. Họ Cu rốc - Capitonidae	5	
		23. Họ Gõ kiến - Picidae	6	11
15	Bộ Sẻ - Passeriformes	24. Họ Mỏ rộng - Eurylaimidae	2	
		25. Họ Đuối cụt - Pittidae	3	
		26. Họ Sơn ca - Alaudidae	1	
		27. Họ Nhạn - Hirundinidae	2	
		28. Họ Chia vôi - Motacillidae	6	
		29. Họ Chèo mào - Pycnotidae	7	
		30. Họ Chim xanh - Irenidae	6	
		31. Họ Bách thanh - Lanidae	3	
		32. Họ Chích choè - Turnidae	7	
		33. Họ Khướu - Timallidae	13	
		34. Họ Chim chích - Sylviidae	5	
		35. Họ Đớp ruồi - Muscicapidae	5	
		36. Họ Rẻ quạt - Monarchidae	3	
		37. Họ Bạc má - Paridae	2	111
		38. Họ Trèo cây - Sittidae	1	
		39. Họ Chim sâu - Dicaeidae	2	
		40. Họ Hút mật - Nectariniidae	8	
		41. Họ Vàng khuyên - Zosteropidae	2	
		42. Họ Chim di - Estrildidae	3	
		43. Họ Sẻ - Ploceidae	1	
		44. Họ Sáo - Sturnidae	7	
		45. Họ Vàng anh - Oriolidae	2	
		46. Họ Phường chèo- Campephagidae	8	
		47. Họ Chèo bẻo - Dicruridae	7	
		48. Họ Nhạn rừng - Artamidae	1	
		49. Họ Quạ - Corvidae	4	
		49 họ		214 loài
	15 Bộ			

**Bảng 2. So sánh số lượng loài chim của khu vực Bà Nà với một số khu bảo tồn khác và của Việt Nam**

Khu bảo tồn	Số loài	Số họ	Số bộ	Nguồn tài liệu
Bà Nà	214	49	15	Tác giả
Việt Nam	828	81	19	Võ Quý, Nguyễn cử, 1995
BN/VN	25,97	60,49	78,95	
Bạch Mã	330	53	16	Roland Eve, 1995
BN/BM	65,15%	92,45	93,75	
Nam Cát Tiên	193	46	16	Đặng Huy Huỳnh và cs, 1995
BN/NCT	111,40	106,52	93,75	

**KẾT LUẬN**

1. Tại khu vực Bà Nà huyện Hoà Vang, Đà Nẵng, đã thống kê được 214 loài chim thuộc 49 họ, 15 bộ. Hệ số đa dạng về họ chim xấp xỉ 4. Bộ chim Sẻ đa dạng nhất về họ (26 họ, 53,06%) và loài (111 loài, 51,63%). Họ Khướu đa dạng nhất về loài (13 loài, 6,98%).

2. Có 12 loài trong danh lục các loài chim quý hiếm của Việt Nam cần được bảo vệ, trong đó 8 loài ở mức sẽ nguy cấp (VU), 4 loài ít nguy cấp (LR), đặc biệt loài Trĩ sao (*Rheinardia ocellata*) có số lượng nhiều và đang bị săn bắt mạnh. 21 loài chim có tên trong ND 48/2002/ND - CP.

3. Cấu trúc thành phần loài chim ở khu vực Bà Nà khá phong phú và đa dạng, gần bằng 26% tổng số loài chim trên toàn quốc, bằng gần 65% số loài chim ở Vườn Quốc gia Bạch Mã và đa dạng hơn Nam Cát Tiên (111,4%).

**Bảng 2. So sánh số lượng loài chim của khu vực Bà Nà với một số khu bảo tồn khác và của Việt Nam**

Khu bảo tồn	Số loài	Số họ	Số bộ	Nguồn tài liệu
Bà Nà	214	49	15	Tác giả
Việt Nam	828	81	19	Võ Quý, Nguyễn cử, 1995
BN/VN	25,97	60,49	78,95	
Bạch Mã	330	53	16	Roland Eve, 1995
BN/BM	65,15%	92,45	93,75	
Nam Cát Tiên	193	46	16	Đặng Huy Huỳnh và cs, 1995
BN/NCT	111,40	106,52	93,75	

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 2000. *Sách đỏ Việt Nam. Phần Động vật*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Ben King, E.C. Dickinson: *A field guide to the birds of South-East Asia*.
- Boonsong Lekagul, Philip D. Round: *A field guide to the birds of Thailand*.
- Bộ Khoa học Công nghệ & Môi trường, 2002. *Danh lục Đỏ Việt Nam*.
- Đặng Huy Huỳnh, Nguyễn Xuân Đặng, Lê Văn Chiếm, 1995. *Bảo vệ và phát triển lâu bền tài nguyên động vật tại Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên*. Các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
- Ghazoul J., Lê Mộng Chân, 1994. *Nghiên cứu đánh giá tính đa dạng và phong phú ở khu rừng Bà Nà* (Tài liệu đánh máy)
- Lê Vũ Khôi, 2000: *Đa dạng sinh học động vật có xương sống trên cạn ở Bà Nà (Quảng Nam - Đà Nẵng)*. Tạp chí Sinh học, tập 22, số 1B: 154-164.
- Lê Vũ Khôi, Bùi Hải Hà, Đỗ Tước, Đinh Thị Phương Anh, 2002. *Kết quả bước đầu khảo sát thành phần loài ếch nhái của khu vực Bà Nà (Hoà Vang, Đà Nẵng)*. Tạp chí Sinh học, tập 24, số 2A: 47-51.
- Nghị Định 48/2002/ND-CP, ngày 22/4/2002.
- Roland Eve, 1996: *Danh lục chim Vườn Quốc gia Bạch Mã, Hải Vân, Bà Nà*. Dự án WF/EC Vườn Quốc gia Bạch Mã
- Sở Thủy Sản - Nông Lâm Đà Nẵng, 1997. *Dự án khu bảo tồn thiên nhiên Bà Nà - Núi Chúa thành phố Đà Nẵng*.
- Võ Quý, Nguyễn Cử, 1995. *Danh lục chim Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội

**SUMMARY****DIVERSITY OF THE BIRD IN BANA AREA (HOA VANG DISTRICT, DA NANG CITY)**

**Le Vu Khoi**

*University of Natural Sciences, VNU, Hanoi*

**Le Dinh Thuy**

*Institute of Ecology and Biological Resources, NCST*

**Do Tuoc**

*Forest Inventory and Planning Institute, Ministry of Agriculture and Rural Development*

The surveys on the avifauna of Ba Na area were carried out for 4 years: 3-4/1999, 2-3-7-8/2001, 7-8/2002 and 4/2003.

There are 214 bird species belong to 15 orders and 49 families were recorded in Ba Na area. Among them 12 species are rare species which were listed in Red list of threatened animals of Vietnam and 25 species listed in the Governmental Decree No 48/2002/ND-CP. They are : Crested Argus, Burmese Peacock Pheasant, Silver Pheasant, Siamese Fireback Pheasant, Great Indian Hornbill, Tickell's Hornbill etc....

The structure on species composition of Avifauna of Ba Na area were compared with some surrounding area is diversity.